

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST-YB

Ngày: 27-8-2025

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đức và Trần Ngọc Thái

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Thịnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Lương Huy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2025 và thông báo mở lại phiên toà số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Hồng N, sinh năm 2003

Bị đơn: Anh Lê Việt A, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Lào Cai).

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh A triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Chị Trần Hồng N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lê Việt A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20-3-2024 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến tháng 11- 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù, vợ chồng đã tự hoà giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Việt A.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Việt N1, sinh ngày 07-8-2024. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Lê Việt A cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Việt A nhưng anh A không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồng N để xử cho chị Trần Hồng N được ly hôn với anh Lê Việt A; Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Việt N1, sinh ngày 07-8-2024 cho chị Trần Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lê Việt A không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị Trần Hồng N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Anh Lê Việt A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là thôn T, xã T, tỉnh Lào Cai) nên yêu cầu ly hôn của chị Trần Hồng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai.

Chị Trần Hồng N và anh Lê Việt A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, chị N có đơn

xin xét xử vắng mặt, anh A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Hồng N và anh Lê Việt A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai) ngày 20-3-2024, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Hồng N xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai bên đã tự hoà giải nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh Lê Việt A đến để hòa giải nhưng anh A không đến, cho thấy anh A không có thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Hồng N và anh Lê Việt A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hồng N là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Trần Hồng N được ly hôn anh Lê Việt A.

[3] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng có một con chung là Lê Việt N1, sinh ngày 07-8-2024. Hiện nay cháu N1 chưa đủ 36 tháng tuổi và do chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Việt A không đến Tòa án, không thể hiện nguyện vọng về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao cháu Lê Việt N1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Anh Lê Việt A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Hồng N không yêu cầu.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Chị Trần Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, thực tế khách quan của các đương sự nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị Trần Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81,82,83 Luật Hôn

nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hồng N được ly hôn anh Lê Việt A.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Việt N1, sinh ngày 07-8-2024 cho chị Trần Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lê Việt A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền năm thom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Hồng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 000004211391 ngày 08-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (xác nhận chị N đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2- Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Thác Bà; tỉnh Lào Cai
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga

